

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG
Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và
đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. THUYẾT MINH CHUNG

Nghị quyết số 249/2025/QH15 của Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035; Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Qua rà soát nhu cầu đầu tư công lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030, toàn tỉnh đề xuất 547 dự án với tổng kinh phí 6.568.018 triệu đồng, trong đó cấp tỉnh có 27 dự án, kinh phí 1.227.484 triệu đồng; cấp xã có 520 dự án, kinh phí 5.340.534 triệu đồng. Nhu cầu đầu tư lớn, trong khi nguồn lực ngân sách có hạn và mức độ khó khăn, khả năng cân đối giữa các địa phương khác nhau, đòi hỏi phải có tiêu chí định lượng, hệ số ưu tiên và phương pháp phân bổ thống nhất, công khai, minh bạch. Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết để cụ thể hóa quy định của Trung ương, làm căn cứ phân bổ vốn ngân sách trung ương, bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh, thực hiện phân cấp cho cấp xã; đồng thời ưu tiên xử lý phòng học tạm, nhờ, mượn, công trình xuống cấp, nhu cầu phục vụ phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày và điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu. Nghị quyết cũng tạo cơ sở cho việc lập kế hoạch, giao vốn, điều chỉnh, thanh toán, quyết toán, kiểm tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm giải trình trong toàn giai đoạn 2026 - 2030.

II. THUYẾT MINH CHI TIẾT NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
1. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh	Thuyết minh - Phạm vi điều chỉnh được giới hạn vào ba nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
- Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của cơ chế phân bổ ngân sách trung ương và bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình. - Điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết vốn của Chương trình. - Pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong lập, phân bổ, giao, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch vốn, dự toán ngân sách.	Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh và việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Chương trình). 2. Đối tượng áp dụng a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện Chương trình.	Hội đồng nhân dân tỉnh: nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương; vốn đối ứng ngân sách tỉnh; và việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn. - Việc xác định rõ tên gọi tắt “Chương trình” giúp rút gọn nội dung các điều tiếp theo và bảo đảm thống nhất cách dẫn chiếu trong toàn văn bản. - Đối tượng áp dụng bao quát các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn; tổ chức, cá nhân có liên quan đến toàn bộ quy trình lập, phân bổ, giao, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch vốn. - Cách quy định này phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp, xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm về số liệu, nhu cầu vốn, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
2. Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình - Điều 3 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định các nguyên tắc phân bổ ngân sách trung ương: đúng mục tiêu, có trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp; ưu tiên nhiệm vụ cấp thiết và bảo đảm khả năng thực hiện. - Điều 10 và Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương. - Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định yêu cầu sử dụng vốn đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm; điều chỉnh vốn đúng thẩm quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát.	Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. 2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên các xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; ưu tiên sử dụng vốn để giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục phổ thông. 3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; thực hiện phân cấp quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn của Chương trình.	Thuyết minh - Điều 2 kế thừa đầy đủ các nguyên tắc của Trung ương và cụ thể hóa theo điều kiện của tỉnh: đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên địa bàn khó khăn và nhu cầu cấp thiết; quản lý thống nhất nhưng tăng quyền chủ động cho cấp thực hiện. - Các nhóm ưu tiên gồm xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu, địa bàn khó khăn; ưu tiên xử lý phòng học tạm, nhờ, mượn và hoàn thiện điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục. - Quy định điều chỉnh vốn gắn với nhu cầu cấp thiết, khả năng triển khai và giải ngân nhằm hạn chế vốn tồn đọng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong từng năm kế hoạch. - Quy định đối với cơ sở giáo dục chia tách, sáp nhập bảo đảm tính kế thừa của dự án, nhiệm vụ và mức vốn đã giao, không làm gián đoạn quá trình thực hiện Chương trình. - Nguyên tắc công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tiết kiệm, chống

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	4. Nguồn vốn thực hiện Chương trình được phân bổ linh hoạt, kịp thời, đúng thẩm quyền; việc điều chỉnh giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phải bảo đảm sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục tiêu, ưu tiên nơi có nhu cầu cấp thiết, có khả năng triển khai và giải ngân trong năm kế hoạch. 5. Trường hợp chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục trong giai đoạn thực hiện Chương trình, việc phân bổ vốn cho cơ sở giáo dục sau chia tách, sáp nhập thực hiện theo nguyên tắc sau: a) Đối với cơ sở giáo dục được sáp nhập từ hai cơ sở trở lên, mức vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhiệm vụ, dự án và mức vốn đã phân bổ cho các cơ sở trước khi sáp nhập, bảo đảm thực hiện Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn; b) Đối với cơ sở giáo dục được chia tách, mức vốn được xác định tương ứng với nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được chuyển giao cho từng cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ kế hoạch vốn; tăng cường phòng, chống	lãng phí là căn cứ kiểm soát toàn bộ quá trình phân bổ và sử dụng vốn. - Quy định tổng vốn đối ứng ngân sách tỉnh không thấp hơn tỷ lệ Trung ương quy định tạo cơ sở để chủ động cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. 7. Tổng vốn đối ứng ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 phải phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 10 và không thấp hơn tỷ lệ quy định tại Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.	
3. Điều 3. Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các xã - Điều 4 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí, hệ số và phương pháp phân bổ vốn đầu tư công ngân sách trung ương cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập. - Các nhóm tiêu chí Trung ương quy định gồm: nhu cầu kiên cố hóa phòng học; nhu cầu phòng học phục vụ phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày; nhu cầu bổ sung phòng học, phòng bộ môn,	Điều 3. Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các xã để thực hiện giáo dục mầm non, phổ thông công lập 1. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương a) Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn xã theo mục tiêu, nội dung đầu tư của Chương trình quy định tại tiết (1) điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội. Các chỉ tiêu định lượng về thực trạng cơ sở vật chất được xác định như sau: Pkch: Số lượng phòng học tạm, nhờ, mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa của xã j;	Thuyết minh - Điều 3 cụ thể hóa nguyên trạng cơ sở vật chất thành các chỉ tiêu định lượng và áp dụng các hệ số trọng số theo Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. Trong đó, nhu cầu kiên cố hóa được ưu tiên cao nhất với $\alpha = 1,3$; nhu cầu phục vụ phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày áp dụng $\beta = 1,2$; các nhu cầu tối thiểu khác áp dụng $\gamma = 1,0$. - Hệ số M_j phản ánh khả năng tự cân đối ngân sách của từng xã; hệ số K_j phản ánh điều kiện vùng, miền, địa hình và chi phí tổ chức thực hiện. Việc nhân đồng thời các hệ số giúp nguồn lực ưu tiên nhiều hơn cho địa phương có nhu cầu lớn, khó khăn và hạn chế về khả năng cân đối. - Tổng điểm định mức quy đổi T_j là căn cứ xác định tỷ trọng vốn của từng xã. Mức vốn

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
nhà công vụ, khu nội trú và thiết bị dạy học tối thiểu. - Hệ số trọng số $\alpha = 1,3$; $\beta = 1,2$; $\gamma = 1,0$; hệ số khả năng cân đối ngân sách M_j và hệ số ưu tiên vùng, miền K_j được xác định theo Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. - Điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định số liệu được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030.	Ppcgd: Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày của xã j; Pthiếu: Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với xã j. b) Mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn được bố trí vốn. Hệ số định lượng về mức độ ưu tiên được xác định như sau: α: Hệ số trọng số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học, quy định $\alpha = 1,3$; β: Hệ số trọng số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày, quy định $\beta = 1,2$; γ: Hệ số trọng số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu, quy định $\gamma = 1,0$. c) Khả năng tự cân đối ngân sách của các xã. Hệ số phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách (M_j) được xác định như sau:	Vj được tính theo tỷ lệ điểm của xã trên tổng điểm của các xã thuộc đối tượng hỗ trợ, nhân với phần vốn Dự án thành phần 1 còn lại sau khi bố trí nhiệm vụ cấp tỉnh. - Việc xác định VD1 là phần vốn còn lại sau khi bố trí khoản 1 Điều 5 làm rõ quan hệ giữa định mức cấp tỉnh và công thức phân bổ cho xã, bảo đảm tổng mức phân bổ không vượt nguồn được giao. - Tổng mức vốn cho xã gồm vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh; vốn đối ứng được phân bổ theo cùng tiêu chí, hệ số và phương pháp, bảo đảm thống nhất giữa các nguồn vốn. - Căn cứ số liệu được quy định chặt chẽ theo danh mục dự án, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, kế hoạch trung hạn, suất vốn, giá thị trường và kết quả thẩm định giá. Việc chốt số liệu ngày 30/6/2026 tạo tính ổn định trong toàn giai đoạn. - Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện về độ chính xác, trung thực của số liệu, qua đó tăng trách nhiệm giải trình và hạn chế việc đề xuất nhu cầu không sát thực tế.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã từ 80% trở lên: hệ số $M_j = 1,3$; Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã từ 60% đến dưới 80%: hệ số $M_j = 1,1$; Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã từ 40% đến dưới 60%: hệ số $M_j = 1,0$; Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã dưới 40%: hệ số $M_j = 0,6$. d) Mức độ khó khăn của địa bàn theo vùng, miền, bao gồm các yếu tố về điều kiện địa lý, địa hình, khí hậu, khoảng cách vận chuyển, điều kiện thi công, suất đầu tư xây dựng và các yếu tố chi phí khác có liên quan. Hệ số ưu tiên theo vùng miền K_j được xác định như sau: $K_j = 1,2$: Áp dụng đối với xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu; $K_j = 1,0$: Áp dụng đối với các xã còn lại thuộc đối tượng hỗ trợ.	

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	2. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho từng xã a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của xã j (T_j) Tổng số điểm định mức quy đổi của xã j (T_j) được tính toán dựa trên thực trạng cơ sở vật chất thực tế kết hợp với các hệ số ưu tiên về vùng miền và khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau: $T_j = [(Pkch,j \times \alpha) + (Ppcgd,j \times \beta) + (Pthieu,j \times \gamma)] \times K_j \times M_j$ b) Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã j (V_j) được xác định theo công thức sau: $V_j = (T_j / \sum_{j=1}^{đến\ n} T_j) \times VDI$ Trong đó: V_j: Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã j trong giai đoạn kế hoạch; VDI: Phần vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 1 còn lại sau khi bố trí cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này, được phân bổ cho các xã, phường để thực hiện nội dung giáo dục mầm non, phổ thông công lập của Chương trình trong kỳ kế hoạch; T_j: Tổng số điểm định mức quy đổi của xã j;	

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	: Tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các xã thuộc đối tượng được ngân sách trung ương hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (n là tổng số xã được hỗ trợ). * Tổng mức vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho xã j để thực hiện Dự án thành phần 1 bằng tổng vốn ngân sách trung ương (Vj) xác định tại Điều 3 và vốn đối ứng ngân sách tỉnh (V_{đư,j}) xác định tại Điều 6 Nghị quyết này. 3. Căn cứ xác định số liệu a) Khối lượng danh mục đầu tư đối với các hạng mục công trình, trang thiết bị dạy học tối thiểu và thứ tự ưu tiên bố trí vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế của từng xã, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô, nội dung đầu tư của Chương trình và danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Danh mục, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn của từng dự án được xác định theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	c) Suất vốn đầu tư xây dựng và giá trang thiết bị dạy học được áp dụng theo quy định hiện hành về suất vốn đầu tư xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình do Bộ Xây dựng ban hành, kết hợp với chỉ số giá thị trường và kết quả thẩm định giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) tại thời điểm lập phương án phân bổ vốn. d) Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo làm căn cứ tính toán định mức phân bổ vốn. Số liệu được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.	
4. Điều 4. Phân bổ vốn ngân sách trung ương cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập - Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT xác định các dự án thành phần, mục tiêu, nhiệm vụ	Điều 4. Phân bổ vốn ngân sách trung ương cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh 1. Nội dung thực hiện phải phù hợp với Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Tiêu chí, hệ số, phương	Thuyết minh - Điều 4 xác định cơ chế phân bổ đối với nhóm nhiệm vụ cấp tỉnh và trường cao đẳng công lập, bảo đảm nội dung được bố trí vốn phải nằm trong Chương trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
vụ và nội dung của Chương trình. - Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí, hệ số, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công đối với trường cao đẳng công lập. - Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí, phương pháp phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương cho địa phương. - Khoản 2 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác đối với dự án đầu tư cho trường cao đẳng.	pháp phân bổ vốn đối với trường cao đẳng công lập thực hiện theo Điều 5; kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương thực hiện theo Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. 2. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh căn cứ các tiêu chí sau: a) Nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn, khả năng giải ngân và hoàn thành nhiệm vụ trong kỳ kế hoạch; c) Nội dung, tính chất, phạm vi nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi đã được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước. 3. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì	- Ba nhóm tiêu chí đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị cấp tỉnh gồm: nhiệm vụ được giao; khối lượng, tiến độ, nhu cầu vốn và khả năng giải ngân; sự phù hợp với chức năng, phạm vi, năng lực thực hiện và yêu cầu không trùng lặp. - Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn chủ trì tổng hợp phương án; Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp; cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quy trình này kết hợp yêu cầu chuyên môn giáo dục với khả năng cân đối và kỷ luật ngân sách. - Đối với trường cao đẳng công lập, dự thảo không đặt lại hệ số riêng mà dẫn chiếu Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, bảo đảm thống nhất với tiêu chí Trung ương và tránh quy định trùng lặp. - Việc bố trí vốn đối ứng của tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác giúp hoàn thiện đồng bộ dự án đầu tư cho trường cao đẳng và thể hiện trách nhiệm của địa phương đối với phần vốn Trung ương hỗ trợ.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. 4. Tiêu chí, hệ số và phương pháp xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình thực hiện theo phương án và quyết định phân bổ của cấp có thẩm quyền trên cơ sở Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. 5. Tỉnh Thái Nguyên bố trí vốn đối ứng của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các dự án đầu tư cho trường cao đẳng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.	
5. Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương - Điều 9 và khoản 4 Điều 13 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định phương án phân bổ ngân sách trung ương tại	Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương 1. Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh. Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai, bố trí tối đa 20% vốn	Thuyết minh - Khoản 1 quy định mức tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho nhiệm vụ cấp tỉnh. Theo số liệu rà soát, nhu cầu vốn của các dự án cấp tỉnh là 1.227.484/6.568.018 triệu đồng, tương đương khoảng 18,69% tổng nhu cầu; vì vậy mức trần 20% phù hợp cơ cấu nhu cầu thực

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
địa phương và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Nhu cầu đầu tư công lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 đã rà soát gồm 547 dự án, tổng kinh phí đề xuất 6.568.018 triệu đồng; trong đó cấp tỉnh có 27 dự án, 1.227.484 triệu đồng; cấp xã có 520 dự án, 5.340.534 triệu đồng. - Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.	đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh, nhiệm vụ có quy mô liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao (tỷ lệ nêu trên tương ứng với tổng nhu cầu vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở cấp tỉnh và cấp xã). Việc phân bổ phải phù hợp với nội dung Chương trình, tiêu chí quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm không trùng lặp nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với các chương trình, dự án, nhiệm vụ chi khác. 2. Phân bổ vốn cho các xã, phường Phần vốn ngân sách trung ương còn lại thuộc Dự án thành phần 1, sau khi bố trí cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, được phân bổ cho các xã, phường theo tiêu chí, hệ số và phương pháp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; đối với kinh phí thường xuyên, việc phân bổ phải phù hợp với tiêu chí, hệ số quy định tại Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và nhiệm vụ cụ thể của Chương trình.	tế, đồng thời vẫn bảo đảm phần lớn nguồn vốn dành cho cấp xã. - Nguồn vốn cấp tỉnh được sử dụng cho nhiệm vụ có quy mô liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù và nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao; việc áp dụng mức “tối đa” cho phép điều chỉnh theo tổng nguồn vốn, khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai từng năm. - Phần vốn Dự án thành phần 1 còn lại được phân bổ cho xã, phường theo Điều 3. Cách quy định này làm rõ thứ tự phân bổ, tránh sử dụng cùng một tổng nguồn vốn để tính đồng thời cho cấp tỉnh và cấp xã. - Kinh phí thường xuyên được phân bổ theo tiêu chí, hệ số của Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và nhiệm vụ cụ thể, không tạo thêm chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi trái quy định hiện hành. - Dự án thành phần 2 được phân bổ cho trường cao đẳng thuộc tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ và tiến độ hàng năm. - Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án tổng thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh;

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp thực hiện phân cấp, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp với chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn. 3. Phân bổ vốn cho trường cao đẳng thuộc tỉnh Phần vốn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 2 được phân bổ cho trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình thực hiện theo phương án và quyết định phân bổ của cấp có thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện hằng năm.	trường hợp thực hiện phân cấp, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định chi tiết theo khoản 5 Điều 6, bảo đảm thống nhất với Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND.
6. Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh - Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 quy định	Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình Vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được bố	Thuyết minh - Vốn đối ứng được sử dụng đúng các dự án thành phần, nội dung và đối tượng của Chương trình; không tách rời phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và phải

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình, làm cơ sở xác định tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung. - Điều 10 và Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc bố trí vốn đối ứng, tỷ lệ vốn đối ứng và hệ số điều chỉnh theo khả năng tự cân đối ngân sách của địa phương. - Phụ lục V kèm theo Nghị quyết số 246/2025/QH15 là căn cứ xác định nhóm địa phương theo tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương. - Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là căn cứ thực hiện phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn.	trí theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 và Điều 10, Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, cụ thể như sau: 1. Nội dung sử dụng vốn đối ứng phải phù hợp với các dự án thành phần của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-BGDDT; thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và quy định tại Nghị quyết này. 2. Tỷ lệ và số vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh a) Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh Thái Nguyên đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg là: $Tđư = Ttt \times Hđư = 25,82\% \times 1,5 = 38,73\%$ Trong đó: Tđư là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng vốn ngân sách tỉnh đối ứng và tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ được giao cho tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch; Ttt là tỷ lệ phần trăm (%) vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung cho toàn Chương trình	được bố trí trong kế hoạch trung hạn, hằng năm, dự toán ngân sách. - Tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung theo cơ cấu nguồn vốn là $Ttt = 25,82\%$. Tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 40%, áp dụng hệ số $Hđư = 1,5$. - Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh được xác định: $Tđư = Ttt \times Hđư = 25,82\% \times 1,5 = 38,73\%$. Tổng số vốn đối ứng được tính theo công thức $Vđư = VNSTW \times Tđư$, giúp xác định trực tiếp nghĩa vụ đối ứng khi có quyết định giao vốn ngân sách trung ương. - Vốn đối ứng phân bổ cho xã thực hiện Dự án thành phần 1 theo cùng tiêu chí, hệ số và phương pháp tại Điều 3, bảo đảm tỷ lệ phân bổ giữa các xã nhất quán đối với cả vốn trung ương và vốn tỉnh. - Đối với nhiệm vụ cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đề xuất; Sở Tài chính thẩm định; cấp có thẩm quyền quyết định, phù hợp phân công quản lý chuyên môn và tài chính.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	theo cơ cấu nguồn vốn quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 (25,82%); Hđư là hệ số điều chỉnh tỷ lệ đối ứng theo khả năng tự cân đối ngân sách của tỉnh. Thái Nguyên thuộc nhóm địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 40%, áp dụng hệ số $Hđư = 1,5$ theo điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg; việc xác định nhóm địa phương căn cứ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội. b) Số vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh Căn cứ vào tỷ lệ Tđư quy định tại điểm a khoản này, tổng số vốn đối ứng ngân sách tỉnh bố trí cho giai đoạn trung hạn hoặc hằng năm được xác định theo công thức: $Vđư = VNSTW \times Tđư$ Trong đó, VNSTW là tổng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch. 3. Vốn đối ứng ngân sách tỉnh phân bổ cho các xã thực hiện Dự án thành phần 1 về giáo dục mầm non, phổ thông công lập được xác	- Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí ngân sách xã; Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động huy động nguồn lực hợp pháp khác, qua đó bổ sung nguồn lực để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao. - Cơ chế báo cáo, điều chỉnh vốn đối với nơi không còn nhu cầu, sử dụng không hiệu quả hoặc chậm tiến độ nhằm hạn chế vốn tồn đọng, tăng khả năng giải ngân và chuyển vốn kịp thời cho đơn vị có nhu cầu, khả năng thực hiện.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	định theo tiêu chí, hệ số và phương pháp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này. Đối với các nhiệm vụ giao Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. 4. Ngoài vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí vốn ngân sách xã; Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao. 5. Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán chi thường xuyên đối với các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng vốn, sử dụng vốn không hiệu quả hoặc chậm tiến	

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	độ, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính để tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, phân bổ cho địa phương, đơn vị khác có nhu cầu và khả năng thực hiện.	
7. Điều 7. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành - Khoản 4 Điều 13 và Điều 14 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hiệu lực thi hành. - Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định chức năng tổ chức thi hành của Ủy ban nhân dân và chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân. - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về thời điểm có hiệu lực, trình tự thông qua và công bố văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Điều 7. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã a) Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí ngân sách xã và phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn theo phân cấp tại khoản 5 Điều 6 Nghị quyết này; b) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm về việc đề xuất danh mục dự án, nhiệm vụ, phê duyệt hoặc trình phê duyệt theo thẩm quyền; bảo đảm sử dụng vốn đúng mục tiêu, tiết	Thuyết minh - Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan tổ chức triển khai Nghị quyết, chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ, điều hành Chương trình và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. - Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát, bảo đảm việc phân bổ và sử dụng vốn công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng. - Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí ngân sách xã, phân bổ và điều chỉnh chi tiết theo phân cấp; Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, đề xuất danh mục dự án, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn. - Quy định trách nhiệm báo cáo hằng năm giúp Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi tiến độ, kết quả, kịp thời xử lý khó khăn hoặc điều chỉnh vốn.

QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
- Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã trong phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia.	kiệm, hiệu quả, phòng, chống lãng phí, tiêu cực; hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình. 4. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.	- Ngày có hiệu lực, kỳ họp và ngày thông qua được đề trống để hoàn thiện theo chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh và yêu cầu về thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.